

BÙI THỊ THIÊN THAI*

SỨC SỐNG CỦA TỤC THỜ MA TỔ Ở ĐÀI LOAN THEO DÒNG LỊCH SỬ

Tóm tắt: Ma Tổ (ở Việt Nam thường được biết đến với tên gọi Thiên Hậu) là vị thần biển nổi tiếng nhất của Trung Quốc thậm chí cả thế giới, được Liên Hợp Quốc công nhận danh hiệu Nữ thần hòa bình vào những năm 80 của thế kỷ XX, tục thờ Bà cũng đã được UNESCO chính thức công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào ngày 30/9/2009. Có thể nói, so với Trung Quốc đại lục cũng như các quốc gia và khu vực khác, Đài Loan là nơi tục thờ Ma Tổ được phổ cập nhất, thậm chí có thể được coi là một tín ngưỡng có tính toàn dân. Bài viết của chúng tôi tập trung phân tích sức sống của tục thờ Ma Tổ ở một vùng đất mới – Đài Loan qua những chặng đường lịch sử: Ươm mầm và bén rễ theo bước chân của những di dân Hoa kiều; Lên ngôi Thiên Hậu nhờ vai trò đặc lực của danh tướng Thi Lang; Phong Hậu một lần nữa trong thời đại mới.

Từ khóa: Tục thờ; Ma Tổ; Thiên Hậu; Trung Quốc; Đài Loan.

Dẫn nhập

Ma Tổ (ở Việt Nam thường được biết đến với tên gọi Thiên Hậu) là vị thần biển nổi tiếng nhất của Trung Quốc thậm chí cả thế giới. Đảo Mì Châu (huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc), nơi Ma Tổ về Trời nay đã trở thành thánh địa của hơn 300 triệu tín đồ thuộc 45 quốc gia và khu vực trên thế giới. Hiện trên thế giới có hơn 6.000 ngôi đền thờ Ma Tổ, phạm là nơi nào có người Hoa sinh sống hoặc những bến sông, cảng biển đều có đền miếu thờ Ma Tổ. Đài Loan và đảo Mì Châu chỉ cách nhau một eo biển hẹp (khoảng 150 km, điểm hẹp nhất chỉ cách Phúc Kiến khoảng 126 km), những di dân người Hán gốc

* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 21/04/2023; Ngày biên tập: 06/06/2023 ; Duyệt đăng: 28/06/2023.

Phúc Kiến, Quảng Đông... sau khi đến Đài Loan đã biến tục thờ Ma Tổ thành tín ngưỡng có tính toàn dân. Đến nay, trên hòn đảo diện tích 35.800 km vuông này đã có hơn 1.000 ngôi đền Ma Tổ [Trần Chi Bình, 2021] với hơn 16 triệu tín đồ, chiếm hai phần ba dân số Đài Loan [La Khâm Văn, 2000].

Trịnh Thu Tỏa trong bài viết “Lịch sử của văn hóa Ma Tổ ở Trung Quốc đại lục, Đài Loan và Hồng Kông, Macao – số lượng và tình hình phân bố của đền thờ Ma Tổ ở Đài Loan” cho biết: trước năm Quang Tự thứ 21 (1895), Đài Loan có tổng cộng 97 ngôi đền thờ Ma Tổ. Đến cuối những năm 30 của thế kỷ XX, con số này đã lên đến 335, năm 1954 tăng lên đến 384. Đến năm 1980, Đài Loan có tổng cộng hơn 500 ngôi đền thờ Ma Tổ, trong đó Đài Nam có 64 ngôi, Cao Hùng có 60 ngôi, Bình Đông và Đài Trung đều có 49 ngôi, Vân Lâm có 48 ngôi, Chương Hóa có 42 ngôi. Tư liệu thống kê công bố trên báo chí năm 1987 cho biết, đền miếu thờ Ma Tổ của Đài Loan đã vượt quá con số 800 ngôi. Còn cuốn *Ma Tổ văn hóa chí* xuất bản năm 2018 thống kê, số lượng đền Ma Tổ ở Đài Loan là 919 ngôi. Trong số đó, những ngôi đền Ma Tổ nổi tiếng nhất phải kể đến: Đài Bắc có Từ Hàm Cung ở quận Sĩ Lâm, Từ Hữu Cung ở Tích Khẩu, Quan Độ Cung ở Bắc Đầu; Đài Trung có Vạn Hòa Cung ở Nam Đồn, Trần Lan Cung ở Đại Giáp, Lạc Thành Cung ở Hạng Khê; Đài Nam có Đại Thiên Hậu Cung và Khai Cơ Thiên Hậu Cung; Chương Hóa có Nam Dao Cung, Thiên Hậu Cung ở Lộc Cảng. Ngoài ra còn có Phúc Hựu Cung ở Đạm Thủy; Khánh An Cung ở Cơ Long; Phối Thiên Cung và Quảng Thịnh Cung ở Nam Đầu; Triều Thiên Cung ở Bắc Cảng – Vân Lâm; Phụng Thiên Cung ở Tân Cảng – Gia Nghĩa; Thánh Mẫu Miếu ở Lộc Nhĩ Môn; Chiêu Ứng Cung ở Nghi Lan [Trịnh Thu Tỏa, 2021]...

Có thể nói, so với Trung Quốc đại lục cũng như các quốc gia và khu vực khác, Đài Loan là nơi tín ngưỡng Ma Tổ được phổ cập nhất, do đó, mật độ đền miếu cũng dày đặc nhất.

1. Ươm mầm và bén rễ theo bước chân của những di dân Hoa kiều

Theo ghi chép trong các thư tịch lịch sử, mối liên hệ giữa đại lục và Đài Loan có thể ngược dòng lên đến tận thời Tam Quốc. Đến đời

Minh, tín ngưỡng Ma Tổ đã sớm để lại dấu tích trên vùng đất mới này. Tài liệu của Trịnh Thu Tỏa cũng cho biết: theo *Đài Loan tỉnh thông chí*, ở Bành Hồ “vào năm Vạn Lịch thứ 31 cuối đời Minh (tức năm 1603), khi người Hà Lan xâm chiếm Đài Loan, nơi này đã có đền miếu thờ Ma Tổ do người Hán di cư đến đây và dựng nên”. Liên Hoàn trong *Đài Loan thông sử* cũng cho rằng, cung Thiên Hậu ở Bành Hồ được dựng vào đời Vạn Lịch, đây là ngôi đền cổ nhất trên đảo Bành Hồ và cũng là ngôi đền Ma Tổ cổ nhất trên toàn cõi Đài Loan [Trịnh Thu Tỏa, 2021].

Vào đời Minh Thanh, cư dân Quảng Đông, Phúc Kiến nói chung và cư dân vùng ven biển phía Nam Trung Quốc nói chung di cư ra nước ngoài rất đông. Những pho tượng Ma Tổ nhỏ được đặt trên thuyền, theo chân họ lên bờ, đến những vùng đất mới. Và cũng giống như trong lục địa, mỗi khi đến nơi ở mới, họ đều tu tạo miếu Ma Tổ và hội quán, mỗi nơi thờ tự này đều tạo nên một khu chợ đông đúc và dần dà trở thành một trung tâm kinh tế xã hội của vùng. Thờ tự Ma Tổ lúc này một mặt là nhu cầu tín ngưỡng, mặt khác cũng là thỏa nỗi nhớ quê. Vị thần bảo hộ đường biển Ma Tổ lúc này mà kiêm luôn vai trò của thần tài, đóng vai trò là một người bảo lãnh cho chữ Tín của các bên trong mối quan hệ kinh tế ngư nghiệp và thương mại. Sự phát triển về kinh tế, đặc biệt là thương mại và ngư nghiệp, đã thúc đẩy quá trình truyền bá của tín ngưỡng Ma Tổ; ngược lại, tín ngưỡng Ma Tổ lại có một sức mạnh to lớn trong việc cảm hóa, kêu gọi và gắn kết cộng đồng trong đời sống kinh tế. Vì sao lại có hiện tượng di dân với quy mô lớn đến vậy từ các vùng Phúc Kiến – Quảng Đông? Đó là vì dân số gia tăng, đất đai các vùng ven biển lại cần cỗi, không có cách nào cung cấp đủ lương thực, trong khi bên ngoài lại hứa hẹn một không gian sống thoáng đạt hơn, nhất là trong thời kỳ Đài Loan thuộc quyền cai trị của Hà Lan, cơ hội việc làm và thu nhập tốt từ nghề trồng mía đã vẫy gọi người Hán ở các khu vực duyên hải phía Nam Trung Quốc đi đến vùng đất mới: “Đầu những năm 30 của thế kỷ XVII, chính quyền Hà Lan ở Formosa đẩy mạnh khuyến khích người Hán nhập cư quy mô lớn đến Đài Loan, không chỉ vận chuyển miễn phí từ Phúc Kiến mà còn miễn phí thuế đất và những khoản thuế khác, miễn phí sử

dụng bò thậm chí cho vay tiền để phát triển kinh tế nông nghiệp” [Dương Thị Huyền, Đỗ Thị Xuân, 2021].

Mặt khác, cư dân ven biển có tiềm năng kinh tế lớn, song lại không có một địa vị xứng đáng trong xã hội “trọng nông ức thương” truyền thống. Đặc biệt, từ đời Minh Thanh trở đi, vì thực hiện chính sách cấm biển (tức cấm người ngoại quốc vào Trung Quốc cũng như người Trung Quốc ra nước ngoài buôn bán), thái độ của chính quyền đối với Hoa kiều vô cùng thù địch, do đó mà Hoa kiều sinh sống tại nước ngoài đã trở thành những đứa con bị bỏ rơi của thiên triều, có nhà mà không thể trở về. Và đền miếu Ma Tổ đã trở thành quê hương tâm tưởng của những người con tha phương nơi đất khách, nơi những kiều dân gửi gắm nỗi nhớ quê không lúc nào nguôi của họ. Đặt chân đến một vùng đất mới, bỡ ngỡ lạ nước lạ cái, việc cầu khẩn sự phù hộ độ trì của thần linh chốn quê nhà chính là một điểm tựa tinh thần, một liều thuốc hiệu nghiệm để vững tin của những di dân Hoa kiều và đó cũng chính là đặc trưng “Người nhờ thần mà hội tụ, Thần nhờ người mà di cư” [Vu Thu Ngọc, 2003: 255] của văn hóa tín ngưỡng dân gian Trung Quốc.

2. Lên ngôi Thiên Hậu nhờ vai trò đặc lực của danh tướng Thi Lang

Sự kiện Trịnh Thành Công thu phục Đài Loan (1662) đã tạo ra làn sóng di dân lớn nhất trong lịch sử Đài Loan (con số thống kê cụ thể không thống nhất ở các tác giả dao động từ ít nhất 6 vạn dân đến nhiều nhất là 25 vạn dân trong tổng số 23 năm cai trị của gia tộc họ Trịnh, kể cả đợt chiêu mộ mấy vạn dân đói từ Phúc Kiến sang Đài Loan mưu sinh của Trịnh Chi Long và Nhan Tư Tề trước đó) [<https://baijiahao.baidu.com>, 2020]. Tuy nhiên, theo Lạc Phân Mỹ, có một sự “hiểu lầm/ ngộ nhận” hoặc cố tình “bóp méo” lịch sử khi cho rằng, Trịnh Thành Công là người có công trong việc phổ cập tín ngưỡng Ma Tổ tại Đài Loan. Thực tế là, mặc dù bản thân Trịnh Thành Công và bộ hạ của ông hầu hết đều là người Phúc Kiến, song trong thời gian từ năm 1662 đến 1683, cũng tức là thời kỳ gia tộc Trịnh Thành Công cai trị Đài Loan, tín ngưỡng Ma Tổ vẫn chưa được lên ngôi mà còn bị khuất lấp sau hương khói phụng thờ Huyền Thiên

Thượng Đế hay còn gọi là Huyền Thiên Trấn Vũ (nay còn khoảng 400 ngôi đền ở Đài Loan).

Sở dĩ như vậy là vì ở đời Minh, Trấn Vũ được coi là vị thần có công khai quốc, vua Minh Thái Tổ trước khi lên ngôi đã được thần nhiều lần báo mộng và đi theo phù trợ, nhờ thế mà có được thiên hạ. Sau khi lên ngôi, vua đích thân lập miếu thờ thần, xác lập địa vị thần hộ quốc duy nhất cho thần đồng thời ghẻ lạnh các thần linh khác. Huyền Thiên Trấn Vũ cũng là vị thần biển (Bắc Đẩu tinh quân, có vai trò chỉ dẫn cho những người đi trên biển), chính vì lẽ đó, Ma Tổ khó lòng có thể cạnh tranh nổi với vị nam thần đầy uy lực có hậu thuẫn của triều đình này. Bên cạnh đó, chính sách bé quan tóa cảng của Minh Thái Tổ cũng khiến cho Ma Tổ khó lòng phát huy ưu thế.

Đến đời nhà Thanh, vì muốn đoạn tuyệt lòng nhớ thương của dân chúng đối với cố quốc, triều đình đã thay thế địa vị của Huyền Thiên Thượng Đế bằng cách tôn sùng một vị thần khác, đó chính là Quan Công. Quan Công được phong là Vũ Đế và được tích cực mở rộng phạm vi thờ cúng. Song, trái ngược với tình cảnh suy vi của thần ở đại lục, Trịnh Thành Công ở Đài Loan vì vẫn hướng về nhà Minh nên đã cho mở rộng tín ngưỡng thờ Huyền Thiên Trấn Vũ, cho dựng tới 8 ngôi đền thờ Huyền Thiên Trấn Vũ.

Những di dân Phúc Kiến, Quảng Đông khi đến Đài Loan theo Trịnh Thành Công, một mặt họ vẫn thờ Huyền Thiên Trấn Vũ cũng như Quan Công, song trong tâm thức vẫn không nguôi nhớ về vị thần chôn quê nhà – Ma Tổ. Vậy thì từ khi nào, tín ngưỡng Ma Tổ lại được lên ngôi, thậm chí thay thế tín ngưỡng Huyền Thiên Thượng Đế?

Lạc Phân Mỹ cho rằng: Nhà Thanh vốn dĩ ngôi trên lưng ngựa mà có được thiên hạ cho nên không mấy quan tâm đến thần biển Ma Tổ. Tuy nhiên, đến đời Khang Hy, tình thế đã thay đổi khi tướng nhà Thanh là Vạn Chính Sắc và đặc biệt là Thi Lang (cũng quê Phúc Kiến) cùng các con cháu và gia tộc của ông sau này, trong quá trình đánh chiếm Đài Loan cũng như trong các cuộc dẹp yên nội loạn đã phát hiện ra công hiệu tuyệt vời của tín ngưỡng Ma Tổ và khéo léo lợi dụng những truyền thuyết về sự hiển linh của Ma Tổ để biến thành vũ khí “tâm công” nhằm thu phục và yên định Đài Loan [*Văn trích báo*, ngày 5/8/2016].

Một số truyền thuyết về sự hiển linh của Ma Tổ, được in trong Tạp chí *Tiếng nói Đài Loan*, tháng 6/2004 cho thấy rõ vai trò đặc biệt của Thi Lang trong lịch sử phát triển của tín ngưỡng thờ Ma Tổ nói chung và trên Đài Loan nói riêng:

*** Nước ngọt cứu quân**

Theo ghi chép trong lịch sử, tháng 10 năm thứ 21 đời Khang Hy, Đề đốc thủy quân nhà Thanh là Thi Lang phụng chỉ đem ba vạn thủy quân đóng ở Bình Hải, đợi gió lên để vượt biển sang Đài Loan. Khi ấy đang là mùa hạn, trong quân thiếu nước trầm trọng. Bên cạnh cung Thiên Hậu ở Bình Hải có một cái giếng hoang đã bị lấp lâu ngày, Thi Lang bèn lệnh cho đào lên, đồng thời ngậm cầu xin Ma Tổ phù hộ, sau khi giếng đào xong, nước ngọt dâng đầy, dân chúng và binh lính đều thoát khỏi nguy cơ thiếu nước. Giếng nước ngọt cũng từ đó không bao giờ khô cạn. Thi Lang cho là thần ban nước ngọt để cứu quân, bèn thân viết hai chữ “Sư tuyền” (tức là suối nuôi quân). Giếng ấy vẫn còn cho đến tận bây giờ.

*** Giúp giữ thuyền**

Tương truyền đêm ngày 26 tháng 12 năm thứ 21 đời Khang Hy, Thi Lang lần đầu tiên cất quân vượt biển đánh vào Đài Bành, vì thiếu gió nên thuyền đi rất chậm, Thi Lang bèn hạ lệnh cho thuyền quay về Bình Hải. Không lâu sau, bỗng nhiên nổi gió lớn, thuyền nhỏ trên chiến hạm bị gió cuốn rơi xuống biển, không biết lạc chỗ nào. Ngày hôm sau, khi gió đã yên, Thi Lang ra lệnh đi tìm thì mới phát hiện ra, nó vẫn bình yên đậu trong vịnh Mi Châu, người trên thuyền nói rằng: Đêm qua trong sóng gió bỗng thấy đầu thuyền có ánh đèn, dường như có người kéo thuyền vào vịnh, chắc hẳn là Thiên Phi phù hộ. Thi Lang vô cùng cảm động, mệnh lệnh tu sửa cung Thiên Hậu ở Bình Hải, tạc tượng Ma Tổ mới, quyên nhiều tiền của để dựng lầu trang điểm, gác Triều Thiên, đồng thời thỉnh một bức tượng Ma Tổ để thờ phụng trên thuyền.

*** Trợ chiến Bành Hồ**

Tục truyền vào tháng 6 năm Khang Hy thứ 21, Thi Lang lần thứ hai cất quân vượt biển đánh Bành Hồ, binh sĩ ai nấy đều cảm thấy có sự trợ

giúp của Thiên Phi bên cạnh nên dũng khí bừng bừng, vị tổng binh là Lưu Xuân mộng thấy Thiên Phi báo rằng: ngày 21 tháng ấy tất đánh được Bành Hồ, tháng 7 tất chiếm được Đài Loan. Sau đó, quân Thanh triều tấn công Bành Hồ bảy ngày bảy đêm, đồng thời thống nhất Đài Loan. Trong trận chiến Bành Hồ đó, Ma Tổ phái Thiên Lý Nhãn, Thuận Phong Nhĩ tới trợ chiến, đó chính là truyền thuyết “trợ chiến Bành Hồ” của Ma Tổ [Tiếng nói Đài Loan, tháng 6/2004].

Liên quan đến truyền thuyết này còn có chuyện kể rằng, vào ngày quân Thanh tấn công Bành Hồ, dân chúng ở Bình Hải – Bồ Điền vào đền Ma Tổ tế lễ thì thấy áo bào của Ma Tổ bị nước ngấm ướt sũng, còn hai bên thân là Thiên Lý Nhãn và Thuận Phong Nhĩ thì hai tay đều bị ngấm nước đến nhột nhột. Ai nấy đều lấy làm lạ, bèn truyền tai nhau. Đến khi những ngư dân ra khơi đánh cá trở về loan truyền rằng, quân của Thi Lang tấn công Bành Hồ và được Thiên Phi trợ chiến, lúc bấy giờ mới hay, thì ra chính là vì Ma Tổ đã đem theo bộ tướng của bà đi giúp Thi Lang đánh trận vậy [Mi Châu online, ngày 22/9/2006].

Cũng chính Thi Lang đã hưng công xây dựng các đền miếu thờ Ma Tổ trên đất Đài Loan, trong đó đáng kể nhất là việc cải tạo phủ đệ của Ninh Tĩnh Vương nhà Minh là Chu Thuật Quế thành cung Thiên Hậu, chính là Đại Thiên Hậu Cung nổi tiếng ở Đài Nam hiện nay.

Theo thống kê, trước khi Thi Lang bình định Đài Loan, ở đây chỉ có 10 ngôi đền thờ Ma Tổ. Sau khi Đài Loan thống nhất, đền miếu Ma Tổ nhiều như măng mọc sau mưa, tính đến trước đời Dân Quốc đã có tới 222 ngôi đền mới được xây dựng.

Thi Lang cũng có công trong việc dâng sớ lên vua Khang Hy xin sách phong Ma Tổ. Bà được phong Thiên Hậu vào năm 1648 (năm thứ Khang Hy thứ 23). Đây cũng chính là cấp bậc cao nhất dành cho nữ thần. Đến năm 1719 (năm Khang Hy thứ 58), Ma Tổ đã được Thanh triều liệt vào hàng tế lễ cao nhất cấp địa phương, ngang hàng với Khổng Tử, Quan Đế; theo đó quy định quan lại địa phương phải đích thân chủ trì Xuân Thu nhị kỳ tế lễ, hành lễ ba quỳ chín lạy và được liệt vào điển tịch nghi lễ tế tự của quốc gia, trở thành “Trung Hoa tam đại tế điển” cùng với tế điển Hoàng Đế và đại điển tế Khổng Tử. Sự thăng cấp nhanh chóng của Ma Tổ nói chung cũng như sự

quan tâm đặc biệt của hoàng đế Khang Hy đối với các đền miếu thờ bà trên đất Đài Loan (chỉ dụ dựng đền, ban biên ngạch...) đã khiến cho tín ngưỡng Ma Tổ trở thành tín ngưỡng chủ lưu, dần thay thế cho tín ngưỡng thờ Huyền Thiên Đại Đế của Minh triều trước đó [Trịnh Lệ Hàng, 2008].

Như vậy, quay trở lại quan điểm của Lạc Phân Mỹ, có thể thấy bà hoàn toàn có lý khi cho rằng: việc phổ biến tín ngưỡng Ma Tổ trên đất Đài Loan chính là một biện pháp chính trị của Thanh triều nhằm thống trị vùng đất này.

3. Phong Hậu một lần nữa trong thời đại mới

Chính phủ thực dân Nhật thống trị Đài Loan (từ 1895), một mặt dùng vũ lực để trấn áp các phong trào phản kháng, mặt khác cũng tích cực suy tôn tín ngưỡng Thần đạo của mình, dựng hàng loạt Thần cung Thần xã nhằm lấn át tín ngưỡng của Đài Loan. Chính vì lẽ đó, tín ngưỡng Ma Tổ thời kỳ này bị áp chế nặng nề, các đền miếu Ma Tổ bị chiếm đóng làm bệnh viện hoặc công sở, các hoạt động dâng hương, rước thần bị hạn chế. Trong thời kỳ chiến tranh Trung - Nhật bùng phát, phong trào Hoàng dân hóa bị đẩy lên cao trào, Phủ Tổng đốc Nhật Bản càng ra sức đẩy nhanh công cuộc toàn dân nói tiếng Nhật, đổi tên Nhật, thay đổi tín ngưỡng sang Thần đạo Nhật bản bằng cách mua lại đền miếu, tịch thu tượng thần để bảo quản tập trung trong các kho của Nhật, thậm chí thiêu hủy bài vị tổ tiên của các gia đình... Tất cả chỉ dừng lại khi Nhật thất bại trong cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai và rút khỏi Đài Loan (1945).

Ngày 25/12/1945, Đài Loan quang phục. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, Chính phủ Quốc dân đã thiết lập tại Đài Loan công sở Trưởng quan hành chính - cơ quan quyền lực cao nhất của Đài Loan lúc bấy giờ. Ngày 07/12/1949, chính phủ Trung ương Quốc dân dời đến Đài Loan. Do chịu ảnh hưởng của phong trào Ngũ tứ phản truyền thống, phản Nho giáo, phản văn ngôn, chính phủ Quốc dân đã phân luồng để quản lý tôn giáo, tín ngưỡng tại Đài Loan, cụ thể là tất cả các “tự” [tức chùa] phải gia nhập Hội Phật giáo Trung Quốc; tất cả các “cung” hoặc “miếu” [tức đền] phải gia nhập Hội Đạo giáo Trung Quốc. Các cơ sở tôn giáo không được chính phủ công nhận sẽ bị tra xét và bị cấm. Các hoạt động tôn giáo tập trung đông người bị hạn chế...

Cũng do hoàn cảnh lịch sử, hai bờ eo biển đã bị ngăn cách trong suốt nửa thế kỷ, và những tín đồ Ma Tổ ở Đài Loan luôn hướng về Mi Châu như hướng về cội nguồn, về quê cha đất tổ. Vượt qua mọi lệnh cấm, tín đồ Ma Tổ ở Đài Loan đã nhiều lần tổ chức vượt biển về Mi Châu chiêm bái, hoặc bí mật, hoặc đi qua nước thứ ba (Nhật Bản hoặc Hồng Kông).

Sang những năm 80 của thế kỷ XX, giao lưu văn hóa giữa hai bờ eo biển đã trở nên năng động và tục thờ Ma Tổ đã phát huy một ưu thế đặc biệt trong việc thúc đẩy tiến trình đó. Nói như Thái Tương Huy: “Trong bối cảnh đương đại, tục thờ Ma Tổ lại một lần nữa hưng thịnh và tái lập đỉnh cao do trực tiếp gắn với nhu cầu chính trị của việc hòa hợp quan hệ hai bờ eo biển và thúc đẩy quảng bá văn hóa Trung Hoa trên toàn thế giới” [Thái Tương Huy (1994: 437-454)].

Tháng 10/1987, sau khi thiết quân luật kéo dài hơn 38 năm liên tục từ ngày 20/5/1949 đến ngày 14/7/1987 được dỡ bỏ, ngót 10 vạn tín đồ Ma Tổ của hai bờ eo biển đã long trọng tổ chức hoạt động kỷ niệm “Lễ tế 1.000 năm Ma Tổ” ở tổ đền Mi Châu. Trong vòng 10 năm sau khi thiết quân luật được dỡ bỏ, chính sách quản lý tôn giáo và đăng ký đền chùa được nới lỏng, số lượng đền miếu tăng lên nhanh chóng. Đến năm 1997, “kim thân” Ma Tổ [tức pho tượng Ma Tổ trong khám thờ tại chính điện của tổ đền Mi Châu] đã có một cuộc xuất hành thế kỷ “nghìn năm mới có một lần” để tuần du hầu khắp các đền miếu tại Đài Loan từ ngày 24/01 đến ngày 05/05, trở thành hoạt động giao lưu văn hóa có ảnh hưởng rộng rãi nhất, ý nghĩa sâu xa nhất của hai bờ eo biển. Đây cũng là sự kiện đã đi vào sách giáo khoa lịch sử của Đài Loan. Các hoạt động giao lưu sau đó đã tăng cường tình cảm thân thiết giữa tín đồ hai bên, đồng thời cũng thắt chặt mối quan hệ không thể tách rời giữa hai bờ eo biển, tạo đà cho sự cải thiện về chính trị giữa hai bờ trước khi thực hiện “tam thông” vào năm 2008 (thông chính – bưu điện; thông hàng – hàng không và hàng hải; thông thương – thương mại, mậu dịch). Một mặt, chính quyền các cấp ý thức được sức mạnh gắn kết dân tộc cũng như giá trị văn hóa truyền thống của tục thờ Ma Tổ, một mặt khác, tín đồ Ma Tổ tích cực hưởng ứng “trào lưu tìm về cội nguồn” kêu gọi đồng bào Đài Loan trở về Mi Châu bái tổ nhằm thúc đẩy giao lưu văn

hóa giữa hai bờ eo biển, tất cả đã khiến cho tục thờ này dần thoát khỏi định danh “mê tín phong kiến” để trở thành “Di sản văn hóa phi vật thể quan trọng” và thêm một lần nữa được “bao phong” trong xã hội đương đại với tôn hiệu: “Nữ thần hòa bình của hai bờ eo biển”, và tiếp đó là “Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại”.

Một điều đáng chú ý là, các đền miếu thờ Ma Tổ ở Đài Loan đều được tổ chức theo mô hình doanh nghiệp với Chủ tịch Hội đồng quản trị đứng đầu nắm trong tay nguồn tài chính dồi dào, thậm chí còn nhờ uy tín trong cộng đồng tín đồ để bước vào chính trường.

Xung quanh đền miếu thờ Ma Tổ cũng đã ra đời những tổ chức xã hội đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của người dân Đài Loan như các trung tâm hoạt động xã hội, trung tâm âm nhạc, thư viện, sân vận động...

Các nhân vật chính trị cũng thường đi lễ tại đền thờ Ma Tổ hoặc tham gia vào các hoạt động tôn giáo nhằm gần gũi với đồng bào tín đồ. Mỗi dịp bầu Tổng thống, các nhân vật chính trị này thường cùng các đại biểu nhân dân và các kỳ lão địa phương đi lễ bái, dân chúng thường vây kín quanh đền để chúc mừng.

Nhưng điều ấn tượng nhất trong tục thờ Ma Tổ ở Đài Loan đương đại có lẽ là hoạt động mang tính toàn dân “Tháng Ba cuồng Ma Tổ” – tức lễ rước Ma Tổ vào dịp tiệc đản sinh 23 tháng Ba âm lịch. Thông thường, vào dịp này, các tín đồ của tín ngưỡng Ma Tổ khắp mọi nơi đều long trọng tiến hành lễ rước ở các địa phương của họ. Song có lẽ hiếm có nơi nào trên thế giới, lễ rước lại có quy mô hoành tráng như ở Đài Loan. Đó cũng chính là lý do để Cục Di sản Văn hóa thuộc Bộ Văn hóa Đài Loan đã ghi danh sự kiện “Lễ rước kiệu Ma Tổ Đại Giáp” (Trần Lan Cung ở thị trấn Đại Giáp, Đài Trung), “Lễ nghênh đón Ma Tổ Triều Thiên Cung - Bắc Cảng” và “Lễ rước kiệu Ma Tổ Bạch Sa Đôn” trở thành lễ hội tín ngưỡng truyền thống cấp quốc gia vào năm 2010; đặc biệt trong đó lễ rước kiệu Ma Tổ Đại Giáp đã được kênh truyền hình Discovery xếp hạng là một trong ba lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Hành trình dâng hương trong 9 ngày 8 đêm với tuyến đường dài hơn 300 km đầy gian khổ của lễ rước kiệu Ma Tổ Đại Giáp đã thu hút rất nhiều người tham dự, trong đó bao gồm cả tín đồ

lẫn những khách du lịch hiếu kỳ và cả những bạn trẻ tham gia thể nghiệm. Trong lịch sử đã từng có người chết trong các cuộc hành hương như vậy, bởi những người tín bái thường chọn ra một ngày để đi cùng Ma Tổ trọn 24 giờ. Ngày nay, cảnh tượng “kiệu bay” xuất thần trong lễ rước, hay phút ngẫu hứng của Ma Tổ khi băng qua cánh đồng, dòng sông lạnh giá, ghé thăm những người già hay trẻ nhỏ trong hành trình không định trước của lễ hành hương, đặc biệt là cảnh tượng linh thiêng khi những tín đồ cuồng tín gào khóc xin được rập mình cho kiệu đi qua những mong Ma Tổ có thể ban phước chữa lành bệnh tật, những tín chủ thành tâm làm lễ trên bàn thờ trong gia đình trước giờ khởi giá, hồ hởi chào đón đoàn hành hương nghỉ chân trong nhà mình hoặc chia sẻ với họ đồ ăn thức uống... tất cả đã làm nên một nét văn hóa nông hậu rất đậm chất Đài Loan. Có thể nói, với trực chính là Trần Lan cung Đại Giáp và hoạt động dâng hương, xoay quanh đó là các cung miếu lân cận và các hoạt động đoàn thể đa dạng khác, tất cả đã làm nên một hệ sinh thái đầy sáng tạo và tràn trề sức sống, góp phần làm phong phú những giá trị xã hội nhân văn cho một tín ngưỡng tôn giáo dân gian truyền thống, trở thành một điển phạm về bảo tồn và phát huy tài nguyên di sản văn hóa trong bối cảnh đương đại.

Kết luận

Như vậy, sức sống sâu rễ bền gốc của tục thờ Ma Tổ trước hết xuất phát từ các hoạt động buôn bán trên biển với vai trò tích cực của giới thương nhân Hoa kiều các vùng ven biển phía nam Trung Quốc như Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam... Sau khi Trịnh Thành Công thu phục Đài Loan, Thanh triều đã có những biện pháp chính trị nhằm thống nhất vùng đất này mà chuỗi truyền thuyết Ma Tổ gắn với nhân vật danh tướng Thi Lang đã phần nào cho chúng ta thấy sự tương tác tích cực giữa tục thờ dân gian với vai trò của chính quyền trung ương. Được sự hưởng ứng nồng nhiệt của dân chúng Đài Loan, cộng thêm “Thiên thời” từ cơn sốt “về nguồn” và “Di sản văn hóa phi vật thể” đương đại, đặc biệt là trong mối quan hệ giao lưu văn hóa Trung Quốc – Đài Loan, sức sống của tục thờ Ma Tổ ngày càng mãnh liệt và làm nên một nét văn hóa độc đáo, góp phần ghi dấu ấn Đài Loan trên “bản đồ” văn hóa thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Chi Bình (2021), *Lời Tựa cho bộ từng thư Nghiên cứu sự kế thừa và phát triển của văn hóa Ma Tổ từ góc độ Một vành đai một con đường*, Nxb. Nhân dân.
2. Mi Châu online, ngày 22/9/2006;
http://www.mozoo.net/html/meizhoukaifa/20060922/11_2.html; truy cập ngày 23/8/2022.
3. “Mười tám truyền thuyết hiển linh của Ma Tổ”, *Tiếng nói Đài Loan*, tháng 6/2004.
4. Lạc Phân Mỹ (2014), *Đài Loan – một lịch sử bị ngộ nhận/ bóp méo*, Nxb. Trung Tín, Bắc Kinh.
5. Vu Thu Ngọc (2003), “Tín ngưỡng Ma Tổ và môi “duyên thân” của người Mân Nam [tức cư dân ven biển ở phía Nam tỉnh Phúc Kiến] – trường hợp cung Thiên Phúc ở Xinggapo”, in trong: Hoàng Tiểu Bình (cb), *Nghiên cứu văn hóa Mân Nam*, Nxb. Văn hiến Trung ương, Bắc Kinh.
6. Trịnh Lệ Hàng (2008), “Thi Lang và tín ngưỡng Ma Tổ hai bờ eo biển”, đăng trên *Học báo Học viện Kỹ thuật chuyên ngành vận tải biển quốc tế Chiết Giang*, số 2.
7. Thái Tương Huy (1994), “Từ trường hợp tín ngưỡng Ma Tổ - bàn về mối quan hệ giữa chính quyền và tín ngưỡng dân gian”, in trong: Trung tâm nghiên cứu Hán học biên soạn: *Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Tín ngưỡng dân gian và văn hóa Trung Quốc”*, Đài Bắc.
8. Dương Thị Huyền, Đỗ Thị Xuân (2021), “Quá trình xác lập chủ quyền của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) ở Đài Loan (1624-1662)”, *Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, số 8.
9. Trịnh Thu Tỏa (2021), “Lịch sử của văn hóa Ma Tổ ở Trung Quốc đại lục, Đài Loan và Hồng Kông, Macao – số lượng và tình hình phân bố của đền thờ Ma Tổ ở Đài Loan”;
https://mtz.china.com/mtz/touzi/2021/0309/032021_42564.html; ngày 03/9/2021;
10. La Khâm Văn (2000), “Những cuộc hành hương của đồng bào Đài Loan làm nóng đảo Mi Châu”, *Báo Thời sự Trung Quốc*;
<https://www.chinanews.com.cn/2000-4-22/26/27358.html>

Abstract

**VITALITY OF THE MAZU WORSHIP IN TAIWAN
THROUGHOUT HISTORY**

Bui Thi Thien Thai

*Institute of Literatural Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

Mazu (often known as Thien Hau in Vietnam) is the most famous sea goddess of the Chinese, recognized by the United Nations as the Goddess of Peace in the 80s of the twentieth century. The custom of worshipping the Goddess was officially recognized by UNESCO as an Intangible Cultural Heritage of Humanity on September 30, 2009. It can be said that the custom of worshipping Mazu is the most popular and can even be considered a religion of the whole people in Taiwan compared to mainland China as well as other countries and regions. The article focuses on analyzing the vitality of Mazu worship in a new land - Taiwan through historical stages: Nurturing and taking root along with the footsteps of Chinese immigrants; the throne of Thien Hau thanks to the role of the famous general Thi Lang; Phong Hau in the new era.

Keywords: Worshipping custom; Mazu; Thien Hau; China; Taiwan.